TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày: 16-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Dũng Trí Nhân.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên toà: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên QK. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quang K, chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. Địa chỉ: số 52, đường TL, khu phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phong P, sinh năm 1977. Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ: ấp T, xã Y, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1978. Nơi cư trú: số A, đường T, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1975. Nơi cư trú: số A, đường T, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Văn K, sinh năm 1995. Nơi cư trú: số A, đường T, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Phong P trình bày: Ngày 24/8/2020, ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số VH 2060/HĐ để vay số tiền 75.000.000 đồng, lãi suất 1,26%/tháng, thời hạn cầm cố 06 tháng, hình thức thanh toán trả gốc và lãi hàng ngày, tổng gốc và lãi là 80.670.000 đồng, trong đó gốc là 75.000.000 đồng và lãi là 5.670.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N và bà Tuyết Nh đã vi phạm các cam kết trả nợ. Tài sản cầm cố là 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha, loại Janus, biển số 68H1-113.96; 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 68H1-034.08 và 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, biển số 68H1-160.28 và 03 giấy chứng nhận đăng ký xe số 007646 mang tên Thái Văn K do Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/8/2017, giấy chứng nhận đăng ký xe số 006558 mang tên Nguyễn Thị Tuyết Nh do Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/9/2013, giấy chứng nhận đăng ký xe số 002341 mang tên Nguyễn Thị Tuyết Nh do Công an thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/8/2019.

Theo đơn khởi kiện Công ty yêu cầu ông N và bà Tuyết Nh thanh toán cho Công ty số tiền 51.534.375 đồng, trong đó nợ gốc là 47.911.875 đồng và lãi là 3.622.500 đồng nhưng qua đối chiếu lại thì ông N và bà Tuyết Nh còn nợ lại 47.170.000 đồng, Công ty xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.364.375 đồng. Nay Công ty yêu cầu ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK số tiền 47.170.000 đồng (trong đó tiền gốc 43.610.500 đồng và tiền lãi 3.559.500 đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Đối với các tài sản cầm cố trên Công ty đã trả lại cho ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh để làm phương tiện đi lại và chỉ còn giữ lại các giấy tờ xe, Công ty đồng ý trả lại cho ông N và bà Tuyết Nh.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn N trình bày: Vào ngày 24/8/2020, chị của ông tên Nguyễn Thị Tuyết Nh và đứa con tên Thái Văn K có đến Công ty QK vay tiền, do không vay được nên ông có đứng ra bảo lãnh và có ký hợp đồng cầm cố tài sản số VH 2060/HĐ để vay số tiền 75.000.000 đồng, lãi suất 1,26%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, hình thức thanh toán trả gốc và lãi hàng ngày. Tài sản cầm cố là 03 chiếc xe gắn máy và 03 giấy tờ xe như Công ty trình bày. Trong quá trình vay ông và bà Nh đã thanh toán cho Công ty QK được 65 ngày, số tiền mỗi ngày là 500.000 đồng và có trả thêm 1.000.000 đồng, tổng cộng đã trả được gốc và lãi 33.500.000 đồng. Ông thừa nhận còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK số tiền 47.170.000 đồng (trong đó tiền gốc 43.610.500 đồng và tiền lãi 3.559.500 đồng), khi nào ông nhận được tiền bên Thi hành án thì ông sẽ thanh toán cho Công ty số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Nh không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn K không có yêu cầu độc lập, bà Tuyết Nh và ông K đã bỏ đi khỏi địa phương nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và quá trình tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, vào ngày 24/8/2020 ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh có đến Công ty TNHH một thành viên QK ký kết hợp đồng cầm cố tài sản để vay số tiền 75.000.000 đồng, lãi suất 1,26%/tháng, thời hạn cầm cố 06 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N và bà Tuyết Nh đã thanh toán cho Công ty được 33.500.000 đồng, còn nợ lại 47.170.000 đồng (trong đó tiền gốc 43.610.500 đồng và tiền lãi 3.559.500 đồng). Tại phiên tòa, ông N thừa nhận nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên QK, buộc ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh thanh toán cho Công ty số tiền 47.170.000 đồng, ghi nhận ý kiến của Công ty không yêu cầu tính lãi. Do Công ty đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.364.375 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Đối với các giấy tờ xe Công ty đồng ý trả lại cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 309 Bộ luật dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản. Trong vụ án này bị đơn ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh cư trú tại khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và ông Thái Văn Kh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Vào ngày 24/8/2020 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK với ông Nguyễn Tuấn N, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản để vay số tiền 75.000.000 đồng, lãi suất 1,26%/tháng, thời hạn cầm cố 06 tháng, ông N và bà Tuyết Nh đã thanh toán cho Công ty tiền

gốc và lãi 33.500.000 đồng, còn nợ 47.170.000 đồng thì không thanh toán nữa nên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét hợp đồng cầm cố tài sản số VH 2060/HĐ ngày 24/8/2020 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK với ông Nguyễn Tuấn N, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh là sự tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay, giải ngân cho ông N và bà Tuyết Nh số tiền 75.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự nhưng sau khi nhận được tiền thì ông bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, ông N thừa nhận còn nợ Công ty tiền gốc 43.610.500 đồng và tiền lãi 3.559.500 đồng, tổng cộng là 47.170.000 đồng và hứa khi nào nhận được tiền bên thi hành án sẽ trả dứt nợ nhưng Công ty không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông N. Từ những căn cứ nêu trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK, ghi nhận ý kiến của Công ty không yêu cầu tính lãi và ghi nhận ý kiến của Công ty trả lại các giấy tờ xe cho ông N và bà Tuyết Nh.

[5] Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N và bà Tuyết Nh thanh toán tiền gốc 47.911.875 đồng và lãi 3.622.500 đồng, tổng cộng là 51.534.375 đồng nhưng tại phiên tòa Công ty xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.364.375 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty về số tiền 4.364.375 đồng.

[6] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 309, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK số tiền 47.170.000 đồng (trong đó tiền gốc 43.610.500 đồng, tiền lãi 3.559.500 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK đối với số tiền 4.364.375 đồng.

3. Ghi nhận ý kiến của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK không yêu cầu tính lãi.

4. Ghi nhận ý kiến của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK trả lại cho ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007646 do Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/8/2017, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006558 do Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/9/2013 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002341 do Công an thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/8/2019.

5. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.358.500 đồng.

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.288.359 đồng theo biên lai thu số 0009368 ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và ông Thái Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mạc Văn Hên